TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2023
V/v: *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q , TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Ngô Thị Thanh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Vi Ngọc Trung

2. Bà: Lương Thị Diện

Thư ký toà án ghi biên bản: Ông Nguyễn Trọng Tiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Q , tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị T - sinh ngày: 16/02/1976

- Bị đơn: Anh Hà Văn Q - sinh ngày: 16/02/1977

Đều đăng ký HKTT và chỗ ở hiện tại: Bản Đỏ, xã P , huyện Q , tỉnh Thanh Hóa

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Thiết trình bày:

* Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P , huyện Q vào ngày 06/02/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, thường xuyên cãi nhau dẫn đến không còn tình cảm, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, đã được chính

quyền địa phương và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Chị và anh Q đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung, các cháu là Hà Thị M , sinh ngày 15/04/1999 và cháu Hà Thị M , sinh ngày 09/06/2000, các cháu đã trên 18 tuổi, tự lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

* Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Hà Thị T tự nguyện nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bị đơn anh Hà Văn Q trình bày tại bản tự khai, tại phiên hòa giải như sau:

* Về hôn nhân: Anh đã được nhận đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp, anh thấy chị Hà Thị T trình bày là đúng sự thật, anh chị kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai. Thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Nay chị làm đơn ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Anh, chị có 02 con chung, như chị T trình bày. Các cháu đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

* Về tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Anh đồng ý ý kiến chị T .

Tại phiên toà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự đã tham gia đầy đủ các bước tố tụng, nên các đương sự chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P , huyện Q vào ngày 06/02/1995, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Q dưới 20 tuổi nhưng anh Q và chị T đã thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 5 Luật HN&GĐ năm 1986, tuy nhiên đến thời điểm trước khi khởi kiện ly hôn chị T và anh Q đã đủ tuổi đăng ký kết hôn mà các đương sự không có khiếu nại, khiếu kiện gì và không yêu cầu hủy Đăng ký kết hôn trái pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung, các cháu đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, nên chấp nhận đề nghị này của các đương sự là phù hợp.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên chấp nhận đề nghị này.

Về án phí: Chị Hà Thị T tự nguyện nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, Điều 148, Điều 278 và Điều 372 Bộ luật dân sự; Điều 8, khoản 1 Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 68, Điều 69, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc.

Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Hà Văn Q .

Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị.

Về án phí và kháng cáo: Chị Hà Thị T tự nguyện nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa kiến nghị đến UBND xã P , huyện Q làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật về việc thực hiện việc đăng ký kết hôn không đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Văn Q là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Q có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con...*". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Hà Thị T là nguyên đơn, anh Hà Văn Q là bị đơn.

[3]. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn chấp hành theo triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, anh Q và chị Thiết có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm của mình theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P , huyện Q vào ngày 06/02/1995, tại thời điểm

đăng ký kết hôn anh Q dưới 20 tuổi nhưng anh và chị đã thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 5 Luật HN&GĐ năm 1986, tuy nhiên đến thời điểm trước khi khởi kiện ly hôn chị T và anh Q đã đủ tuổi đăng ký kết hôn mà các đương sự không có khiếu nại, khiếu kiện gì và không yêu cầu hủy Đăng ký kết hôn trái pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Q và chị T trình bày là như nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bản thân anh Q xác định không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng anh đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của anh Q và chị T đều xác nhận cuộc sống vợ chồng anh chị không hạnh phúc, hai vợ chồng hiện đang sống ly thân, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương đã xác nhận như lời trình bày của anh, chị. Điều này chứng tỏ giữa anh Q và chị T không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống không hạnh phúc, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp với tình trạng hôn nhân giữa anh, chị.

[5]. Về con chung: Anh, chị có 02 con chung, các cháu đều đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[7]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và đề nghị đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án kiến nghị UBND xã P về việc thực hiện việc đăng ký kết hôn không đúng quy định của pháp luật là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn Hà Thị T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Kiến nghị: Đề nghị UBND xã P , huyện Q làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật về việc thực hiện việc đăng ký kết hôn không đúng quy định của pháp luật; Kiến nghị đến UBND xã P , huyện Q cần phổ biến tuyên truyền pháp luật về hôn nhân gia đình cho người dân, đặc biệt là bộ phận đồng bào là người dân tộc thiểu số tại địa phương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 BLTTDS;

Điều 147, Điều 148, Điều 278 và Điều 372 Bộ luật dân sự.

Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ;

Khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Thiết.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Hà Văn Q .

2. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

3. Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012885, ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q , tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã thi hành xong phần án phí.

4. Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2012, ngày 06/02/1995 của UBND xã P , huyện Q , tỉnh Thanh Hóa hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của phát luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Q (02 bản);
- CC.THADS huyện Q ;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã P , Q ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thanh